

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-TP
V/v triển khai Thông tư số
19/2024/TT-BTP và Thông tư số
20/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12
năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Thành phố Thủ Đức, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc thành phố;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 34 phường.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 19/2024/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và Thông tư số 20/2024/TT-BTP quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến. Thông tư số 19/2024/TT-BTP và Thông tư số 20/2024/TT-BTP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Theo Công văn số 437/STP-BTTP ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Sở Tư pháp về việc triển khai thực hiện Thông tư số 19/2024/TT-BTP và Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Ủy ban nhân dân thành phố chuyển 02 thông tư nêu trên đến các phòng, ban, đơn vị thuộc thành phố Thủ Đức; Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức; Ủy ban nhân dân phường, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiên cứu thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, cấp cập... đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Tư pháp để tổng hợp, kiến nghị Sở Tư pháp báo cáo Bộ Tư pháp xem xét, hướng dẫn giải quyết./.

(Đính kèm Thông tư số 19/2024/TT-BTP và Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TP (Tth).

**TUQ. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP**

Phạm Thị Hoàn

Số: *19* /2024/TT-BTP

Hà Nội, ngày *31* tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cơ sở đào tạo nghề đấu giá, chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá; tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá; chương trình, nội dung và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên; hướng dẫn lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ sở đào tạo nghề đấu giá, người tập sự hành nghề đấu giá, người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, người có tài sản đấu giá, cơ quan quản lý nhà nước về đấu giá tài sản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ ĐẤU GIÁ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CỦA KHÓA ĐÀO TẠO NGHỀ ĐẤU GIÁ

Điều 3. Cơ sở đào tạo nghề đấu giá

Cơ sở đào tạo nghề đấu giá theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 77 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 44 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản là Học viện Tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

Điều 4. Chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá

Chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá do Học viện Tư pháp phối hợp với Cục Bảo trợ tư pháp xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Chương III

TẬP SỰ HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ, KIỂM TRA KẾT QUẢ

TẬP SỰ HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ

Mục 1. TẬP SỰ HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ

Điều 5. Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tập sự hành nghề đấu giá

1. Người có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề đấu giá lựa chọn một tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tập sự hành nghề đấu giá. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phân công đấu giá viên trong tổ chức mình hướng dẫn tập sự. Tại cùng một thời điểm, một đấu giá viên không được hướng dẫn nhiều hơn hai người tập sự. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được từ chối nhận tập sự trừ trường hợp có lý do chính đáng.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận người tập sự, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhận tập sự thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trụ sở về việc nhận tập sự và đấu giá viên hướng dẫn tập sự.

2. Người thuộc trường hợp không được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá quy định tại Điều 15 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản thì không được tập sự hành nghề đấu giá.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhận tập sự, Sở Tư pháp ghi tên người tập sự vào danh sách người tập sự hành nghề đấu giá và đăng tải danh sách này trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Điều 6. Thay đổi nơi tập sự hành nghề đấu giá

1. Trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khác có trụ sở trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nơi người tập sự chuyển đến thông báo cho Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trụ sở, kèm theo văn bản xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã nhận tập sự về thời gian và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Tư pháp điều chỉnh thông tin về việc tập sự của người tập sự trong danh sách người tập sự hành nghề đấu giá.

2. Trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trụ sở tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nơi người tập sự chuyển đến thông báo cho Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trụ sở, kèm theo văn bản xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã nhận tập sự về thời gian và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nơi người tập sự đã tập sự thông báo cho Sở Tư pháp để xóa tên người tập sự khỏi danh sách người tập sự của Sở Tư pháp.

3. Trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì thời gian tập sự được tính bằng tổng thời gian tập sự của người đó tại các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Điều 7. Tạm ngừng tập sự, chấm dứt tập sự hành nghề đấu giá

1. Trường hợp có lý do chính đáng, người tập sự được tạm ngừng tập sự nhưng phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nơi mình đang tập sự. Thời gian tạm ngừng không quá 02 tháng và không được tính vào thời gian tập sự.

2. Người tập sự chấm dứt tập sự hành nghề đấu giá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tự chấm dứt tập sự;
- b) Đã hết thời hạn tạm ngừng tập sự quy định tại khoản 1 Điều này mà không tiếp tục tập sự;
- c) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 15 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

d) Bị xóa tên khỏi danh sách người tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người tập sự chấm dứt tập sự quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt tập sự. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Sở Tư pháp xóa tên người tập sự khỏi danh sách người tập sự.

4. Người chấm dứt tập sự hành nghề đấu giá quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này tập sự lại theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này.

Người chấm dứt tập sự hành nghề đấu giá quy định tại điểm c khoản 2 Điều này được tập sự lại khi lý do chấm dứt tập sự không còn.

Người bị chấm dứt tập sự hành nghề đấu giá quy định tại điểm d khoản 2 Điều này được tập sự lại sau thời hạn một năm kể từ ngày bị chấm dứt tập sự.

5. Thời gian tập sự trước khi chấm dứt tập sự quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào thời gian tập sự hành nghề đấu giá.

Điều 8. Nội dung tập sự hành nghề đấu giá

1. Kỹ năng soạn thảo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản; kỹ năng kiểm tra thông tin về quyền được bán tài sản đối với tài sản đấu giá.

2. Kỹ năng xây dựng Quy chế cuộc đấu giá, niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá và các văn bản khác liên quan đến việc hành nghề đấu giá tài sản.

3. Kỹ năng điều hành cuộc đấu giá theo các hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.

4. Các kỹ năng và công việc khác liên quan đến việc hành nghề đấu giá tài sản do đấu giá viên hướng dẫn phân công.

Điều 9. Báo cáo kết quả tập sự hành nghề đấu giá

1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian tập sự, người tập sự nộp báo cáo kết quả tập sự tại Sở Tư pháp nơi người đó có tên trong danh sách tập sự. Báo cáo kết quả tập sự bao gồm:

- a) Kỹ năng hành nghề và kinh nghiệm thu nhận được từ quá trình tập sự;
- b) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình tập sự (nếu có) và đề xuất, kiến nghị.

2. Báo cáo kết quả tập sự phải có nhận xét của đấu giá viên hướng dẫn tập sự và xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhận tập sự về quá trình và kết quả tập sự.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của người tập sự

1. Người tập sự có các quyền sau đây:

- a) Được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhận tập sự tạo điều kiện thực hiện nội dung tập sự theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này;
- b) Được đấu giá viên hướng dẫn tập sự hướng dẫn các nội dung tập sự, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tập sự;
- c) Được đề nghị thay đổi đấu giá viên hướng dẫn tập sự;
- d) Được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá;
- đ) Các quyền khác theo thoả thuận với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhận tập sự và theo quy định của pháp luật.

2. Người tập sự có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ các quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- b) Thực hiện các công việc thuộc nội dung tập sự quy định tại Điều 8 của Thông tư này theo sự phân công của đấu giá viên hướng dẫn tập sự; báo cáo kết quả tập sự theo quy định của Thông tư này;
- c) Chịu trách nhiệm trước đấu giá viên hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhận tập sự về kết quả và tiến độ của các công việc được phân công;
- d) Giữ bí mật thông tin về nội dung và các thông tin có liên quan mà mình biết được trong quá trình tập sự;
- đ) Các nghĩa vụ khác theo thoả thuận với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhận tập sự và theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của đấu giá viên hướng dẫn tập sự

- 1. Hướng dẫn người tập sự các nội dung tập sự theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.
- 2. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công việc của người tập sự do mình phân công.
- 3. Nhận xét về quá trình tập sự của người tập sự, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tập sự.
- 4. Chịu trách nhiệm về kết quả và tiến độ của các công việc mà người tập sự thực hiện theo sự phân công, hướng dẫn của mình.

Điều 12. Thay đổi đấu giá viên hướng dẫn tập sự

1. Người tập sự có quyền đề nghị thay đổi đấu giá viên hướng dẫn tập sự trong các trường hợp sau đây:

a) Đấu giá viên hướng dẫn tập sự không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự vì lý do sức khỏe hoặc lý do khách quan khác;

b) Đấu giá viên hướng dẫn tập sự không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

2. Trong trường hợp thay đổi đấu giá viên hướng dẫn tập sự quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phân công một đấu giá viên khác hướng dẫn tập sự.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhận tập sự

1. Phân công đấu giá viên hướng dẫn tập sự và chịu trách nhiệm về việc phân công đó.

2. Xem xét, quyết định việc người tập sự đề nghị thay đổi đấu giá viên hướng dẫn tập sự.

3. Nhận người tập sự hành nghề đấu giá tại tổ chức mình, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

4. Quản lý người tập sự trong quá trình tập sự tại tổ chức mình; thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người tập sự tạm ngừng tập sự; theo dõi, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của đấu giá viên hướng dẫn tập sự; bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tập sự.

5. Báo cáo bằng văn bản cho Sở Tư pháp về việc nhận và hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình theo định kỳ hàng năm.

6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với người tập sự hoặc theo quy định của pháp luật.

Mục 2. KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ

Điều 14. Nguyên tắc, nội dung và hình thức kiểm tra

1. Việc kiểm tra phải nghiêm túc, công khai, công bằng, khách quan, trung thực, tuân thủ quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Pháp luật về đấu giá tài sản, pháp luật có liên quan và Quy tắc đạo đức nghề nghiệp đấu giá viên;

b) Kỹ năng hành nghề đấu giá tài sản.

3. Hình thức kiểm tra bao gồm:

a) Bài kiểm tra thứ nhất là kiểm tra viết. Thời gian là 180 phút.

b) Bài kiểm tra thứ hai là kiểm tra vấn đáp hoặc kiểm tra trắc nghiệm trên máy vi tính; trường hợp chưa có điều kiện kiểm tra trắc nghiệm trên máy vi tính thì kiểm tra trắc nghiệm trên giấy.

Bộ Tư pháp quyết định và thông báo cụ thể về hình thức của bài kiểm tra thứ hai trong dự kiến kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra.

Điều 15. Đăng ký tham dự kiểm tra

1. Những người sau đây được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá:

a) Người đã hoàn thành thời gian tập sự hành nghề đấu giá theo quy định tại Điều 13 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản và Thông tư này;

b) Người không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra kết quả tập sự trước.

2. Người tập sự đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ đến Sở Tư pháp nơi người đó có tên trong danh sách người tập sự. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá;

b) Báo cáo kết quả tập sự hành nghề đấu giá.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lập danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Điều 16. Tổ chức kiểm tra

1. Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá. Thời gian và kế hoạch kiểm tra cụ thể được thông báo cho các Sở Tư pháp chậm nhất là một tháng trước ngày tổ chức kiểm tra.

2. Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá (sau đây gọi là Hội đồng kiểm tra) do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập. Hội đồng kiểm tra được sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này.

3. Hội đồng kiểm tra có từ 05 (năm) thành viên trở lên bao gồm đại diện Bộ Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác của Hội đồng do Bộ trưởng

Bộ Tư pháp quyết định.

Giúp việc cho Hội đồng kiểm tra có Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Phách, Ban Kiểm tra vấn đáp trong trường hợp kiểm tra vấn đáp, Ban Chấm thi viết và Ban Phúc tra (sau đây gọi là các Ban của Hội đồng kiểm tra).

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra

1. Hội đồng kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Xây dựng Kế hoạch kiểm tra trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt;
- b) Thành lập các Ban của Hội đồng kiểm tra theo quy định của Thông tư này;
- c) Ban hành Nội quy kỳ kiểm tra;
- d) Quyết định và thông báo danh sách thí sinh, thời gian, địa điểm kiểm tra cho các Sở Tư pháp có thí sinh tham dự kiểm tra;
- đ) Tổ chức kiểm tra, chấm điểm kiểm tra, phúc tra bài kiểm tra theo quy định của Thông tư này;
- e) Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tổ chức và kết quả của kỳ kiểm tra.

2. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra;
- b) Phân công trách nhiệm cho từng thành viên Hội đồng kiểm tra;
- c) Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng kiểm tra; quyết định đề kiểm tra;
- d) Tổ chức chấm điểm kiểm tra;
- đ) Xử lý các trường hợp vi phạm nội quy kỳ kiểm tra;
- e) Thông báo kết quả kiểm tra;
- g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ kiểm tra theo thẩm quyền.

Điều 18. Ban Giám sát

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập Ban Giám sát theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp. Ban Giám sát gồm Trưởng Ban và từ 01 (một) đến 02 (hai) thành viên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát:

- a) Giám sát việc tổ chức kiểm tra;

b) Phát hiện và kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm các quy định về kiểm tra;

c) Đề nghị Hội đồng kiểm tra có biện pháp bảo đảm kỳ kiểm tra diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy định của Thông tư này;

d) Chịu trách nhiệm về hoạt động giám sát của mình và báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp về kết quả giám sát sau mỗi kỳ kiểm tra.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của thí sinh tham dự kiểm tra

1. Nộp phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Tuân thủ nội quy kỳ kiểm tra do Hội đồng kiểm tra ban hành.

3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Thông tư này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 20. Quản lý bài kiểm tra và kết quả kiểm tra

1. Bài kiểm tra viết và kết quả kiểm tra vấn đáp hoặc kết quả kiểm tra trắc nghiệm phải được niêm phong ngay sau khi kết thúc kiểm tra; phách, điểm kiểm tra và các tài liệu liên quan phải được niêm phong ngay sau khi kết thúc việc đánh mã phách, ghi phách, rọc phách, ghép phách, chấm điểm bài kiểm tra.

2. Bài kiểm tra và kết quả kiểm tra được lưu giữ tại Bộ Tư pháp trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày tổ chức kiểm tra.

Điều 21. Phúc tra bài kiểm tra

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết quả kiểm tra được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, thí sinh không đồng ý với kết quả kiểm tra của mình có quyền làm đơn phúc tra gửi Chủ tịch Hội đồng kiểm tra.

Không phúc tra bài kiểm tra vấn đáp, bài kiểm tra trắc nghiệm.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định thành lập Ban Phúc tra. Ban Phúc tra gồm Trưởng ban và ít nhất 02 (hai) thành viên. Các thành viên trong Ban Chấm thi viết không được là thành viên của Ban Phúc tra.

3. Kết quả phúc tra phải được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra phê duyệt và là kết quả cuối cùng.

Điều 22. Xử lý vi phạm đối với việc tập sự hành nghề đấu giá

1. Người tập sự vi phạm nghĩa vụ của người tập sự quy định tại Thông tư này đã được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nhận tập sự nhắc nhở, yêu cầu sửa chữa mà vẫn tiếp tục vi phạm thì bị tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó đề nghị

Sở Tư pháp xóa tên khỏi danh sách người tập sự hành nghề đấu giá.

2. Đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản vi phạm quy định của Thông tư này và quy định pháp luật khác có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Khiếu nại về tập sự hành nghề đấu giá và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá

1. Người tập sự, đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có quyền khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá có quyền khiếu nại quyết định, hành vi của Hội đồng kiểm tra khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Trong trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản này mà không được giải quyết khiếu nại hoặc không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra hoặc Hội đồng kiểm tra đã giải thể thì người tham dự kiểm tra có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là quyết định cuối cùng.

Chương IV

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG VÀ TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA ĐẤU GIÁ VIÊN HÀNG NĂM

Điều 24. Chương trình, nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên hàng năm

1. Chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên hàng năm do tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ xây dựng, đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều này và quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư này.

2. Nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên hàng năm bao gồm một hoặc một số nội dung sau đây:

- a) Quy tắc đạo đức nghề nghiệp đấu giá viên;
- b) Cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật về đấu giá tài sản và các quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Kỹ năng hành nghề đấu giá; kỹ năng giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình hành nghề đấu giá;

d) Kỹ năng quản lý, tổ chức và điều hành tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

3. Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được tổ chức dưới hình thức lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trao đổi kinh nghiệm hành nghề.

Điều 25. Tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ bao gồm:

a) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của đấu giá viên;

b) Học viện Tư pháp;

c) Cục Hỗ trợ tư pháp.

2. Đấu giá viên có thể lựa chọn tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do tổ chức xã hội – nghề nghiệp của đấu giá viên, Học viện Tư pháp hoặc Cục Hỗ trợ tư pháp tổ chức.

Điều 26. Thời gian tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Thời gian tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên tối thiểu là 01 ngày làm việc/năm (08 giờ/năm).

2. Đấu giá viên thuộc một trong các trường hợp sau đây thì được công nhận hoàn thành nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm đó:

a) Có bài nghiên cứu pháp luật đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan đến đấu giá tài sản đăng trên các tạp chí chuyên ngành luật trong nước hoặc nước ngoài; viết hoặc tham gia viết sách, giáo trình về đấu giá tài sản đã được xuất bản;

b) Tham gia giảng dạy về đấu giá tài sản tại Học viện Tư pháp; giảng bài tại lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 25 của Thông tư này thực hiện;

c) Tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về đấu giá tài sản ở nước ngoài;

d) Là báo cáo viên trong các chương trình tập huấn, hội thảo, tọa đàm về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 24 của Thông tư này do Học viện Tư pháp, Cục Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp tổ chức. Trường hợp các đấu giá viên không phải là báo cáo viên mà tham dự các chương trình tập huấn, hội thảo, tọa đàm quy định tại điểm này thì 01 ngày tham dự được tính là 04 giờ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, từ 02 ngày trở lên được tính là hoàn thành nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Học viện Tư pháp, Cục Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp cấp văn bản chứng nhận cho đấu giá viên, trong đó nêu rõ thời gian tham dự.

3. Những trường hợp sau đây được miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm:

- a) Đầu giá viên nữ đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi;
- b) Đầu giá viên phải điều trị dài ngày tại cơ sở khám chữa bệnh đối với những bệnh thuộc danh mục chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế từ 03 tháng trở lên, có giấy chứng nhận của cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên.

Đầu giá viên có trách nhiệm nộp giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này cho Sở Tư pháp nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề đầu giá tài sản chậm nhất là ngày 15 tháng 12 hàng năm để lập danh sách đầu giá viên được miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm đó.

Điều 27. Giấy tờ xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Giấy tờ xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- a) Giấy chứng nhận tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do tổ chức thực hiện bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 25 của Thông tư này cấp;
- b) Tạp chí, sách, giáo trình đã được đăng hoặc xuất bản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 của Thông tư này;
- c) Văn bản xác nhận hoặc giấy tờ chứng nhận đã tham gia các hoạt động quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 26 của Thông tư này.

Văn bản xác nhận hoặc giấy tờ chứng nhận đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 của Thông tư này phải được hợp pháp hóa lãnh sự, được dịch ra tiếng Việt và bản dịch tiếng Việt phải được công chứng hoặc chứng thực.

2. Đầu giá viên hoàn thành nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nộp bản sao một trong những giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này cho Sở Tư pháp nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề đầu giá tài sản chậm nhất là ngày 15 tháng 12 hàng năm để lập danh sách hoàn thành nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm đó.

Sở Tư pháp đăng tải danh sách đầu giá viên hoàn thành nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và danh sách đầu giá viên được miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm và danh sách đầu giá viên chưa hoàn thành nghĩa vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 28. Chi phí bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ

Cơ quan, tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thu chi phí bồi dưỡng của người tham gia trên nguyên tắc lấy thu bù chi công khai, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

Tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quy định tại khoản 1 Điều 25 của Thông tư này có trách nhiệm sau đây:

1. Xây dựng và công bố kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của tổ chức mình trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.
2. Chuẩn bị nội dung, chương trình, các điều kiện cần thiết khác và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch đã công bố.
3. Cấp giấy chứng nhận tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đấu giá theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Thu, quản lý, sử dụng chi phí thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.
5. Lập và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đấu giá viên đã tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại tổ chức mình theo từng năm.

Điều 30. Xử lý vi phạm đối với đấu giá viên, tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Đấu giá viên vi phạm nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ vi phạm quy định của Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Chương V

HƯỚNG DẪN LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Điều 31. Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Quy định tại Chương này không áp dụng đối với trường hợp lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông qua đấu thầu. Trường hợp lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông qua đấu thầu thì tiêu chí lựa chọn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản và trình tự, thủ tục lựa chọn tổ chức

hành nghề đấu giá tài sản thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Điều 32. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm theo đúng tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Điều 33 của Thông tư này và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bảo đảm tính chính xác, độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Điều 33. Nội dung tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

1. Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

2. Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

3. Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

4. Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

5. Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Điều 34. Thông báo công khai tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

1. Sau khi có quyết định của người có thẩm quyền về việc đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của mình và Cổng Đấu giá tài sản quốc gia về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, các tiêu chí cụ thể quy định tại Điều 33 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Người có tài sản đấu giá thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong thời hạn ít nhất là 03 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 35. Đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp 01 bộ hồ sơ tham gia lựa chọn bằng bản giấy hoặc bản sao điện tử theo thông báo của người có tài sản đấu giá.

Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hồ sơ cuộc đấu giá.

2. Người có tài sản đấu giá tự đánh giá hoặc thành lập tổ đánh giá hoặc lựa chọn hình thức khác để đánh giá các tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm về việc đánh giá này.

3. Người có tài sản đấu giá căn cứ thông tin trong hồ sơ tham gia lựa chọn của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chấm điểm theo tất cả các tiêu chí quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và xử lý các tình huống theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này.

Trường hợp có kết quả xác minh khẳng định tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giả mạo hồ sơ hoặc cố ý cung cấp thông tin làm sai lệch hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì người có tài sản không đánh giá, chấm điểm đối với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó.

Trường hợp có văn bản của cơ quan có thẩm quyền công bố tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giả mạo hồ sơ hoặc cố ý cung cấp thông tin làm sai lệch hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì người có tài sản từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn từ chối kết quả lựa chọn thì người có tài sản xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số điểm cao nhất liền kề để tổ chức cuộc đấu giá hoặc lựa chọn lại tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Chương này.

5. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có người đại diện theo pháp luật hoặc đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản do thực hiện hành vi nhân danh, vì lợi ích hoặc có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 50% tổng số điểm.

6. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thuộc một trong các trường hợp sau thì thực hiện như sau:

a) Có đấu giá viên của tổ chức mình bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản thuộc các trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 22 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì cứ mỗi đấu giá viên bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 5% tổng số điểm;

b) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản thuộc các trường hợp quy định tại các điểm b, d, đ, h, i, k khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ hành vi bị xử phạt quy định tại điểm c khoản này thì cứ mỗi hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 5% tổng số điểm.

c) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo công bố của cơ quan có thẩm quyền thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 20% tổng số điểm, trừ trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này;

d) Có đấu giá viên của tổ chức mình bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 20% tổng số điểm.

7. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thuộc trường hợp đã bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này hoặc đã bị hủy bỏ kết quả lựa chọn quy định tại

khoản 2 Điều 36 của Thông tư này thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 50% tổng số điểm.

8. Trường hợp đến hết ngày nộp hồ sơ tham gia lựa chọn mà chỉ có một tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đăng ký thì người có tài sản xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức đó nếu đáp ứng quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 36. Thông báo, hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản thông báo công khai kết quả lựa chọn trên trang thông tin điện tử của mình (nếu có) và Cổng Đấu giá tài sản quốc gia. Thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sau khi có kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều này mà người có tài sản nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn đã giả mạo hồ sơ hoặc cố ý cung cấp thông tin làm sai lệch hồ sơ tham gia lựa chọn thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp chưa ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thì người có tài sản đấu giá hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó;

b) Trường hợp đã ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chưa nhận hồ sơ tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá thì người có tài sản đấu giá hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đồng thời đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đối với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó;

c) Trường hợp đã ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã nhận hồ sơ tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và chấm dứt hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản nếu hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có thỏa thuận về vấn đề này hoặc đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản vô hiệu theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị hủy bỏ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này, người có tài sản đấu giá căn cứ kết quả chấm điểm quy định tại khoản 1 Điều này lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số điểm cao nhất liền kề để tổ chức cuộc đấu giá; trường hợp hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản bị chấm dứt hoặc bị Tòa án tuyên bố vô hiệu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, người có tài sản đấu giá tổ chức lại việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

4. Người có tài sản đấu giá gửi thông tin về việc hủy bỏ kết quả lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giả mạo hồ sơ hoặc cố ý cung cấp thông tin làm sai lệch hồ sơ tham gia lựa chọn theo quy định tại khoản 2 Điều này và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Thông tư này đến Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trụ sở và đăng tải công khai trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia.

Điều 37. Các trường hợp người có tài sản đấu giá từ chối đánh giá hồ sơ tham gia lựa chọn của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ nguyên tắc đấu giá tài sản quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật Đấu giá tài sản; nguyên tắc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản quy định tại Điều 32 của Thông tư này, người có tài sản đấu giá từ chối đánh giá hồ sơ tham gia lựa chọn của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong các trường hợp sau đây:

1. Người sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền đấu giá tài sản, người có quyền đưa tài sản ra đấu giá theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản là vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột của người đứng đầu Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đấu giá tài sản.

2. Người sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền đấu giá tài sản, người có quyền đưa tài sản ra đấu giá theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản là cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó thông qua sở hữu, thuê tóm phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó.

3. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Trách nhiệm của người có tài sản đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá

1. Trách nhiệm của người có tài sản đấu giá:

a) Thông báo công khai việc lựa chọn, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí lựa chọn và chịu trách nhiệm về kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

b) Xem xét, xác minh thông tin phản ánh về việc tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giả mạo hồ sơ hoặc cố ý cung cấp thông tin làm sai lệch hồ sơ tham gia lựa chọn;

c) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc lựa chọn và kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định pháp luật;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

a) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

b) Gửi Sở Tư pháp nơi tổ chức có trụ sở báo cáo về số vụ việc đấu giá tài sản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này chậm nhất là ngày 15 tháng 01 hàng năm để làm căn cứ cho việc chấm điểm lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

c) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Bổ trợ tư pháp, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Cục Bổ trợ tư pháp là đơn vị tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật về đấu giá tài sản, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc liên quan đến việc thực hiện Thông tư này;

c) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tập sự hành nghề đấu giá, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên, lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định pháp luật;

d) Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá theo quy định tại Thông tư này;

đ) Công bố trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia thông tin các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản theo quy

định tại Điều 57 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 37, điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Thanh tra Bộ, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình liên quan đến việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; phối hợp với Cục Bỏ trợ tư pháp trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Lập và đăng tải danh sách người tập sự hành nghề đấu giá tại địa phương; danh sách đấu giá viên hoàn thành nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và danh sách đấu giá viên được miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

b) Công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp danh sách người đủ điều kiện đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 57 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 37, điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về việc tập sự hành nghề đấu giá, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên, về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định pháp luật;

d) Phối hợp cung cấp thông tin về tổ chức, hoạt động của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi có yêu cầu của người có tài sản đấu giá trong việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

đ) Kiểm tra việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên hướng dẫn tập sự và người tập sự theo quy định của Thông tư này;

e) Đăng tải báo cáo của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tại điểm b khoản 2 Điều 38 của Thông tư này trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;

g) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và pháp luật có liên quan.

4. Trong trường hợp tổ chức tập huấn, hội thảo, tọa đàm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 26 của Thông tư này, Sở Tư pháp có trách nhiệm sau đây:

a) Gửi Bộ Tư pháp chương trình, kế hoạch tập huấn, hội thảo, tọa đàm trước ngày tổ chức và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

b) Có văn bản xác nhận về việc đấu giá tham gia tập huấn, hội thảo, tọa đàm do mình thực hiện, trong đó có đầy đủ thông tin theo mẫu Giấy chứng nhận tham gia bồi dưỡng được quy định tại Thông tư này;

c) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

2. Việc khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ;

b) Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

3. Các thông tin thuộc đối tượng khai thác, sử dụng theo khoản 1 Điều này bao gồm:

- a) Giới tính;
- b) Quốc tịch;
- c) Nơi thường trú;
- d) Nơi ở hiện tại.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Biểu mẫu kèm theo

Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây:

1. Giấy đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá (mẫu TP-ĐGTS-01).
2. Giấy đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá (mẫu TP-ĐGTS-02).
3. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-03).
4. Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-04).
5. Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-05).
6. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-06).
7. Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-07).
8. Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-08).
9. Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-09).
10. Thông báo nhận tập sự hành nghề đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-10).
11. Thông báo chấm dứt tập sự hành nghề đấu giá (mẫu TP-ĐGTS-11).
12. Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-12).
13. Sổ đăng ký đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-13).
14. Sổ theo dõi tài sản đấu giá (mẫu TP-ĐGTS-14).
15. Sổ theo dõi tài sản đấu giá (đối với tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng) (mẫu TP-ĐGTS-15).
16. Giấy biên nhận (mẫu TP-ĐGTS-16).
17. Giấy xác nhận niêm yết (mẫu TP-ĐGTS-17).
18. Biên bản đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-18).

19. Báo cáo về tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-19).

20. Báo cáo về tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản (đối với tổ chức nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng) (mẫu TP-ĐGTS-20).

21. Báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản tại tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (mẫu TP-ĐGTS-21).

22. Giấy chứng nhận tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên (mẫu TP-ĐGTS-22).

23. Báo cáo về số vụ việc đấu giá tài sản làm căn cứ cho việc chấm điểm lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-23).

Điều 42. Quy định chuyển tiếp

1. Người được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản nhưng đã bị thu hồi Chứng chỉ do thuộc trường hợp là cán bộ, công chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân khi đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá thì được miễn đào tạo nghề đấu giá, không phải tập sự và tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá theo quy định của Thông tư này.

2. Trường hợp người có tài sản đấu giá đã thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì người có tài sản đấu giá tiếp tục thực hiện việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

3. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có đấu giá viên của tổ chức mình bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính đó không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Điều 35 của Thông tư này thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó không bị trừ điểm khi nộp hồ sơ tham gia lựa chọn theo quy định của Thông tư này.

Điều 43. Hiệu lực thi hành

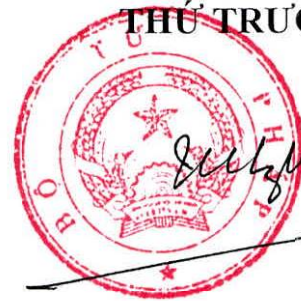
1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; Điều 6 Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các hội, đoàn thể;
- Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0

4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0

2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0

5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm	5,0

	dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0
Tổng số điểm		100

Ghi chú:

1. Tiêu chí đánh giá chấm điểm tại Phụ lục này không bao gồm tài sản đấu giá là biển số xe theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tự nguyện đấu giá.

2. Cuộc đấu giá thành quy định tại mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá có ít nhất một tài sản đấu giá thành. Cuộc đấu giá không thành quy định tại mục 1 Phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá không có tài sản nào đấu giá thành và thuộc trường hợp quy định tại Điều 52 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 33 và điểm q khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

3. Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 9 phần IV Phụ lục này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

4. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/01 đến ngày 31/3 hàng năm thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước của năm liền kề. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/4 hàng năm trở đi thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước liền kề.

5. Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

6. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.



PHỤ LỤC II
MẪU THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

NGƯỜI CÓ TÀI SẢN
ĐẤU GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

- Tài sản đấu giá:
- Giá khởi điểm:
- Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:
.....Tổng số điểm:
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có):
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có):

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản 1	Tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản 2	Tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ...
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện

2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	Không đủ điều kiện	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá			
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá			
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc			
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện			
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá			
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)			
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)			
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp			
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến			
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá			
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả			
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao			
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả			
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả			

2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>			
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>			
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>			
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>			
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>			
IV	<i>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i>			
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i>			
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>			
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>			
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>			
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>			
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i>			
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>			
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>			
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>			
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>			
3.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i>			
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>			

3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc			
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc			
3.4	Từ 50 cuộc trở lên			
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên			
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất			
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề			
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo			
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động			
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm			
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm			
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm			
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên			
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản			
6.1	01 đấu giá viên			
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên			
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên			
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân			
7.1	Dưới 05 năm			
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm			
7.3	Từ 10 năm trở lên			

8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề			
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên			
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên			
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên			
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng			
9.1	Dưới 50 triệu đồng			
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng			
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên			
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định			
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá			
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó			
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.			
4.	Tiêu chí khác			
	Tổng			

Số: 20 /2024/TT-BTP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều

66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 10 Điều 73 Luật Giá năm 2023 và điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

2. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến (sau đây gọi là chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia) theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

1. Người có tài sản đấu giá theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Luật Đấu giá tài sản khi tổ chức đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

2. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 12 Điều 5 của Luật Đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản trong trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ GIÁ DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN MÀ PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH PHẢI BÁN THÔNG QUA ĐẤU GIÁ

Điều 3. Cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá

1. Giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá (sau đây gọi là giá dịch vụ đấu giá tài sản) được tính trên một cuộc đấu giá trong trường hợp đấu giá thành tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm theo khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Trường hợp thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46

Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản mà pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá có quy định việc xác định giá dịch vụ đấu giá tài sản đối với tài sản đó thì giá dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá đó.

2. Trường hợp đấu giá thành nhưng người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc nộp tiền không đầy đủ dẫn đến huỷ quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá hoặc hợp đồng mua bán tài sản đấu giá thì người có tài sản đấu giá thanh toán cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản các chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và giá dịch vụ đấu giá tài sản tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm theo khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành nhưng không vượt quá số tiền đặt cọc của người trúng đấu giá.

3. Giá dịch vụ đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm: thuế giá trị gia tăng và chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

4. Trường hợp đấu giá không thành thì người có tài sản đấu giá thanh toán cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản các chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản.

5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, người có tài sản đấu giá thanh toán cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giá dịch vụ đấu giá tài sản, các chi phí đấu giá quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 4. Quản lý, sử dụng giá dịch vụ đấu giá tài sản

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải thực hiện niêm yết giá dịch vụ đấu giá tài sản tại trụ sở của tổ chức mình; chấp hành theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về đấu giá tài sản và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản sử dụng hóa đơn cung ứng dịch vụ theo quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

Chương III

CHI PHÍ ĐĂNG THÔNG BÁO LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN, CHI PHÍ THÔNG BÁO CÔNG KHAI VIỆC ĐẤU GIÁ TRÊN CỔNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN QUỐC GIA, CHI PHÍ SỬ DỤNG CỔNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN QUỐC GIA ĐỂ ĐẤU GIÁ BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN

Điều 5. Nguyên tắc thu, chi đối với khoản thu chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

1. Tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia có trách nhiệm thu, quản lý và sử dụng các khoản thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

2. Khoản thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để phục vụ hoạt động của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Mức thu chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

1. Chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là 300.000 đồng/01 thông báo (Ba trăm nghìn đồng/một thông báo). Một thông báo bao gồm thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

2. Chi phí đăng thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia là 300.000 đồng/01 thông báo (Ba trăm nghìn đồng/một thông báo). Một thông báo bao gồm thông báo lần một và lần hai trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông báo công khai một lần trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản thì chi phí là 150.000 đồng/01 thông báo (Một trăm năm mươi nghìn đồng/một thông báo).

3. Chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến là 2.000.000 đồng/01 cuộc đấu giá (Hai triệu đồng/một cuộc đấu giá).

Trường hợp không có người đăng ký tham gia đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia thì chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia là 1.000.000 đồng/01 cuộc đấu giá (Một triệu đồng/một cuộc đấu giá).

4. Chi phí quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này do cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến chi trả và đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 7. Tổ chức thu, nộp chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

1. Tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia chịu trách nhiệm thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia tại Điều 6 Thông tư này. Tài khoản thu của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia là tài khoản đồng Việt Nam mở tại ngân hàng thương mại.

2. Việc nộp chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 10 ngày, kể từ ngày thông tin được đăng hợp lệ trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;

b) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản nộp chi phí đăng thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 07 ngày, kể từ ngày thông tin được đăng hợp lệ trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;

c) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản nộp chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 20 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thỏa thuận với

tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia về việc tự thanh lý hợp đồng sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

4. Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà cơ quan, tổ chức, cá nhân không nộp chi phí thì tài khoản đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, sử dụng Cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó bị chuyển sang trạng thái tạm ngừng hoạt động cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 8. Quản lý, sử dụng khoản thu chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến

1. Nội dung chi:

- a) Quản lý, duy trì, vận hành và phát triển Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- b) Quản lý, giám sát việc đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;
- c) Hoạt động hướng dẫn, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- d) Hoạt động liên quan đến công việc tiếp nhận, xử lý thông tin đăng tải trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, đấu giá trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đấu giá tài sản, quản lý dữ liệu về đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;
- đ) Các nhiệm vụ chi thường xuyên khác liên quan đến việc tổ chức quản lý, duy trì, vận hành và phát triển Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Việc phân phối kết quả tài chính, trích lập các quỹ thực hiện theo cơ chế tự chủ tuân theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia thực hiện chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Bổ trợ tư pháp, tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Cục Bổ trợ tư pháp có trách nhiệm:

- a) Theo dõi, giám sát và quản lý việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- b) Tổng hợp kế hoạch thu, kế hoạch chi hằng năm của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt theo quy định;

c) Điều chỉnh kế hoạch thu, kế hoạch chi của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định;

d) Quyết toán thu, chi của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định.

2. Tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia quy trình thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia bao gồm cách thức, phương thức, đối tượng và mức thu;

b) Tổ chức thu chi phí đăng thông báo lựa chọn, chi phí thông báo công khai việc đấu giá, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;

c) Quản lý, sử dụng khoản thu theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến có trách nhiệm:

a) Nộp chi phí theo quy định tại Điều 6 và khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

b) Thực hiện đúng quy chế hoạt động của Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và quy định của pháp luật liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời gian tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia chưa được thành lập, người có tài sản đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Hội đồng đấu giá tài sản chưa phải nộp chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí đăng thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia.

2. Trường hợp người có tài sản đấu giá và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì cơ chế, chính sách và việc xác định giá dịch vụ đấu giá tài sản tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để xem xét, hướng dẫn./✓

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các hội, đoàn thể;
- Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi